

Bản án: 81/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 07 - 4 - 2021

“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HOÀ, TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Hiệp.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Lin.

2. Ông Lý Văn Hùng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 07 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 05/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 66/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị L, sinh năm: 1969.

Địa chỉ: Ấp P, xã Y, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Ông Phan Văn G, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: Ấp P, xã Y, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

(Bà L và ông G xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 31 tháng 12 năm 2020; Đơn khởi kiện bổ sung ngày 13 tháng 01 năm 2021 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày: Bà Lê Thị L và ông Phan Văn G chung sống với nhau vào năm 1995 đến năm 2013 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An ngày 20 tháng 7 năm 2013. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất hòa trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống chung không phù hợp. Nay bà L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên xin ly hôn ông G.

Về con chung: Bà L và ông G thống nhất khai, bà L và ông G chung sống có 02 con chung tên Phan Quốc T, sinh ngày 22 tháng 5 năm 1996 và Phan Quốc K, sinh ngày 28 tháng 8 năm 2000. Khi ly hôn, con chung đã trưởng thành nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời trình bày của ông Phan Văn G: Ông G xác nhận lời trình bày của bà L về thời gian điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, tài sản chung và nợ chung giữa ông Gỏi và bà L theo lời trình bày của bà L là đúng. Nay bà L xin ly hôn, ông G đồng ý.

Về con chung: Ông G và bà L thống nhất khai, ông G và bà L chung sống có 02 con chung tên Phan Quốc T, sinh ngày 22 tháng 5 năm 1996 và Phan Quốc K, sinh ngày 28 tháng 8 năm 2000. Khi ly hôn, con chung đã trưởng thành nên ông G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà căn cứ các kết quả thẩm tra, xét hỏi tại phiên Toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp là hôn nhân gia đình; Bị đơn ông Phan Văn G có hộ khẩu thường trú tại ấp P, xã Y, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (Theo xác nhận của Công an xã Y ngày 25 tháng 12 năm 2020) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Nguyên đơn bà Lê Thị L và bị đơn ông Phan Văn G xin vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà L và ông Gỏi.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị L và ông Phan Văn G chung sống với nhau vào năm 1995 đến năm 2013 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An ngày 20 tháng 7 năm 2013 nên quan hệ hôn nhân của bà L và ông G được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà L và ông G chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã dù hai bên đã cố gắng hàn gắn để kéo dài cuộc sống hôn nhân nhưng không được. Nay bà L và ông G xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên thuận tình ly hôn. Xét việc thuận tình ly hôn giữa bà L và ông G là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.2] Về con chung: Bà L và ông G thống nhất khai, bà L và ông G chung sống có 02 con chung tên Phan Quốc T, sinh ngày 22 tháng 5 năm 1996 và Phan Quốc K, sinh ngày 28 tháng 8 năm 2000. Khi ly hôn, con chung đã trưởng thành

nên bà L và ông G không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Bà L và ông G thống nhất khai tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Bà L và ông G thống nhất khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[3] Về án phí: Bà Lê Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 5, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình 2014;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L xin ly hôn với ông Phan Văn G.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị L được ly hôn với ông Phan Văn G.

Về án phí: Bà Lê Thị L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước, được khấu trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí mà bà L đã nộp theo biên lai số 7253 ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hoà sang án phí để thi hành.

Án này là sơ thẩm, bà L và ông G vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện
- TAND tỉnh Long An
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Văn Hiệp